



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BacNinh Department of Natural Resources and Environment
Center of natural resources and Environment Monitoring

Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

VIMCERTS 049

Tel: (0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2603/2024/QT34-N

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu	Nước thải
Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và KCN Quế Võ IDICO Địa chỉ: KCN Quế Võ II, tỉnh Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu	34NT.2: Tại điểm lấy mẫu trước khi xả ra kênh Châu Cầu
Ngày lấy mẫu	24/5/2024
Ngày phân tích	24/5/2024-10/6/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/ BTNMT C _{max} (A)	Kết quả
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B: 2023	40	28
2	Màu	Pt-Co	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	50	KPH
3	pH	-	TCVN 6492:2011	6 đến 9	6,9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	SMEWW 5210B: 2023	27	11,6
5	COD	mg/l	SMEWW5220C: 2023	67,5	17,6
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	SMEWW 2540D: 2023	45	KPH
7	Asen (As)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,045	KPH
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	SMEWW 3112B: 2023	0,0045	KPH
9	Chì (Pb)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,09	KPH
10	Cadimi (Cd)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,045	KPH
11	Crom (VI)	mg/l	SMEWW 3500-Cr B:2023	0,045	KPH
12	Crom (III)	mg/l	SMEWW 3500- Cr B:2023 SMEWW 3125B: 2023	0,018	KPH
13	Đồng (Cu)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	1,8	0,008
14	Kẽm (Zn)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	2,7	0,057
15	Niken (Ni)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,18	0,087
16	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,45	0,029
17	Sắt (Fe)	mg/l	TCVN 6177:1996	0,9	0,313
18	Tổng Xianua	mg/l	SMEWW 4500CN- C&E:2023	0,063	KPH



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BacNinh Department of Natural Resources and Environment
Center of natural resources and Environment Monitoring

Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

VIMCERTS 049

Tel: (0222)3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2603/2024/QT34-N

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	QCVN 40:2011/ BTNMT C_{max} (A)	Kết quả
19	Tổng phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	0,09	<0,06* (0,024)
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F: 2023	4,5	KPH
21	Sunfua	mg/l	TCVN 6637: 2000	0,18	KPH
22	Florua	mg/l	US EPA Method 300.0	4,5	0,330
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1: 1996	4,5	<0,06* (0,047)
24	Tổng Nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	18	5,6
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,6	KPH
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước ngọt)	mg/l	SMEWW 4500 Cl ⁻ B: 2023	450	22,3
27	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-3:2011	0,9	KPH
28	Coliform	MPN/ 100 ml	SMEWW 9221B: 2023	3000	KPH
29	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(a)}$	Bq/l	TCVN 6053: 1995	0,1	KPH
30	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(a)}$	Bq/l	TCVN 6219: 2011	1,0	KPH

Ghi chú:

+ (-): Không quy định;

+ **QCVN 40:2011/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
Trong đó, $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$);

+ ^(a): thông số sử dụng nhà thầu phụ – Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị và công nghệ môi trường Nguyễn Gia (VIMCERTS 251);

+ **KPH**: Không phát hiện. Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

+ ^(*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
*BacNinh Department of Natural Resources and Environment
Center of natural resources and Environment Monitoring*

Địa chỉ/Add: Số 11 đường Hai Bà Trưng- P.Suối Hoa-TP.Bắc Ninh

VIMCERTS 049

Tel: (0222) 3874125/3874124

<https://quantracmoitruongbacninh.gov.vn>

Số: 2603/2024/QT34-N

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2024

CÁN BỘ PHÂN TÍCH

TRƯỞNG PHÒNG PTMT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiên Trung

Nguyễn Thị Diễm Hương



Trần Chung

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 01426/2024/PKQ (CEM Bắc Ninh/24.578)

I. THÔNG TIN DO KHÁCH HÀNG CUNG CẤP – Information supplied by the client

Khách hàng - Client	: TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ - Address	: Số 11, đường Hai Bà Trưng, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	25/05/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 25/05/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 01/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cmax; Kq=0,9; Kf=1,0) Standard
					34NT.2	
1	Tổng hoạt độ phóng xạ α	TCVN 6053:1995	Bq/L	0,02	KPH	0,1
2	Tổng hoạt độ phóng xạ β	TCVN 6219:2011	Bq/L	0,3	KPH	1,0

Ghi chú – Remark:

- 34NT.2: NG.WW.250524.25;
- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A);
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

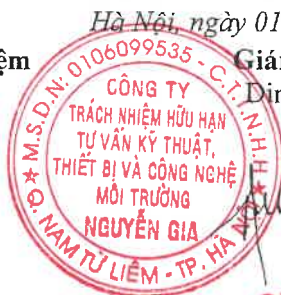
Nguyễn Thị Nữ

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Vũ Thị Thùy

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Giám đốc
Director



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hương